

Số: *26* /2019/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *22* tháng *12* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;



Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính quyết định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Thực hiện vào Nghị quyết số 40/2019/NĐ-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII - Kỳ họp thứ 15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 402/TTr-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc đề nghị ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái; gồm: chủ sở hữu công trình thủy lợi, chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2020

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị	Đơn giá
1	Tưới tiêu lúa bằng động lực	đồng/ha/vụ	1.811.000
2	Tưới tiêu lúa bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	1.267.000
3	Tưới tiêu lúa bằng động lực kết hợp trọng lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	1.539.000
4	Tạo nguồn tưới tiêu cho lúa bằng động lực	đồng/ha/vụ	905.500
5	Tưới tiêu mạ, màu, cây vụ đông, cây công nghiệp ngắn ngày bằng động lực	đồng/ha/vụ	724.400
6	Tưới tiêu mạ, màu, cây vụ đông, cây công nghiệp ngắn ngày bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	506.000
7	Tưới tiêu hoa, cây dược liệu, cây công nghiệp dài ngày bằng động lực	đồng/ha/vụ	1.448.800

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị	Đơn giá
8	Tưới tiêu hoa, cây dược liệu, cây công nghiệp dài ngày bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	1.013.600
9	Tạo nguồn tưới tiêu cho mạ, màu, cây vụ đông, cây công nghiệp ngắn ngày bằng động lực	đồng/ha/vụ	362.200
10	Tạo nguồn tưới tiêu cho hoa, cây dược liệu, cây công nghiệp dài ngày bằng động lực	đồng/ha/vụ	724.400
11	Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản	đồng/ha/năm	2.500.000

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều này là không có thuế giá trị gia tăng và được tính từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ đến vị trí công trình đầu mối ở vị trí khởi đầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 5. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra);
- Chánh, Phó CVP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT,NLN,TC *vvw* (35 b')

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

Đỗ Đức Duy